

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	TOÁN			LÝ			SINH			CN			NGŨ VĂN			SỬ			ĐỊA			CD			ANH			TIN HỌC			TD		MT		AN		DTB										
		TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB														
1	Nguyễn Phúc Thùy An	8.5	8.3	8.0	8.8	8.8	8.6	9.5	9.0	9.2	10	10	9.5	10	9.0	9.4	9.5	10	10	7.5	8.5	7.0	8.4	10	9.0	9.3	9.0	9.0	9.0	9.7	9.5	7.8	8.7	9.0	8.0	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.1					
2	Lê Phương Anh	10	9.8	9.0	8.3	8.8	9.0	9.8	9.0	9.3	10	10	10	9.5	10	9.5	9.6	7.8	10	10	8.0	7.5	8.0	8.3	8.0	10	9.3	4.5	4.5	8.5	9.3	9.0	10	9.8	9.9	10	8.0	8.7	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.8		
3	Dương Phương Anh	10	8.0	9.0	9.5	8.5	9.0	9.0	10	9.7	10	10	10	10	9.5	9.8	10	9.8	10	8.0	7.5	7.0	8.3	7.0	9.0	8.3	10	10	9.0	9.3	9.2	10	9.8	9.9	10	10	10	10	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.4		
4	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	9.5	7.3	7.0	8.3	8.0	8.1	6.0	8.0	7.3	8.5	8.5	10	10	9.5	9.8	9.0	10	10	7.0	7.8	8.0	8.3	6.0	10	8.7	5.0	5.0	7.8	8.3	8.1	10	9.0	9.5	8.0	10	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.3				
5	Phạm Huỳnh Ngọc Châu	9.5	9.8	7.0	9.5	8.8	9.0	8.5	8.8	8.7	10	10	10	10	10	10	8.5	10	8.0	8.3	7.0	8.2	10	8.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.5	10	9.8	10	8.0	8.7	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.1					
6	Nguyễn Đình Đức	10	9.0	9.0	9.8	7.8	9.0	3.5	7.0	5.8	8.8	8.8	9.5	10	10	9.9	5.0	7.5	10	7.5	7.0	6.8	7.2	9.0	7.5	8.0	7.0	7.0	8.8	7.3	7.8	9.0	8.5	8.8	7.0	8.0	7.7	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.0				
7	Nguyễn Minh Đức				###			###			###			###			###			###			###			###			###			###			###			###			###			###	###			
8	Lý Nguyễn Minh Diệu	10	8.5	6.5	7.8	7.8	8.0	8.3	8.3	9.8	9.8	9.0	10	9.0	9.3	9.0	8.5	10	8.5	9.5	8.3	8.9	7.0	9.0	8.3	9.0	9.0	10	8.8	9.2	10	9.0	9.5	8.0	10	9.3	Đ	Đ	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.0			
9	Nguyễn Triều Dương	9.8	7.5	8.0	8.0	8.3	8.3	3.5	6.3	5.4	9.5	9.5	7.5	10	8.5	8.6	9.0	8.5	10	6.5	7.0	4.0	6.9	6.0	9.5	8.3	9.0	9.0	9.0	8.5	8.7	9.5	8.8	9.2	9.0	8.0	8.3	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.2			
10	Nguyễn Minh Hải	9.8	8.5	7.5	8.8	7.0	8.2	5.5	6.5	6.2	10	10	10	10	9.0	9.5	8.5	8.0	9.3	7.0	7.5	7.0	7.6	7.0	9.0	8.3	5.0	5.0	8.5	9.3	9.0	10	9.5	9.8	6.0	8.0	7.3	CĐ	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.1			
11	Huỳnh Quang Anh Hiếu	9.5	8.0	9.0	9.0	8.5	8.8	10	9.8	9.9	9.5	9.5	10	10	10	10	9.0	10	10	8.0	9.0	8.0	8.8	7.0	8.5	8.0	10	10	10	9.8	9.9	8.5	9.5	9.0	4.0	8.0	6.7	CĐ	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.1		
12	Phan Tá Nguyễn Khang	9.8	8.8	9.0	9.5	9.0	9.2	8.5	9.8	9.4	10	10	10	10	10	8.8	10	10	7.5	9.3	7.0	8.5	8.0	9.5	9.0	10	10	10	8.8	8.5	8.6	10	9.3	9.7	9.0	10	9.7	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.4			
13	Huỳnh Khôi	9.8	7.5	8.0	8.3	7.8	8.2	10	8.5	9.0	10	10	9.0	10	10	9.8	8.0	10	10	8.0	8.5	6.8	8.3	7.0	9.5	8.7	7.5	7.5	10	10	10	9.0	9.8	9.4	9.0	10	9.7	CĐ	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.1		
14	Trần Lê Phương Lan	10	9.5	10	10	9.8	9.9	9.0	10	9.7	10	10	10	10	9.5	9.8	9.5	10	10	8.3	9.5	8.8	9.2	10	9.5	9.7	10	10	10	10	10	10	10	10	6.0	10	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.7			
15	Trương Hoàng Khánh Linh	10	9.8	9.0	9.8	9.5	9.6	9.8	10	9.9	9.0	9.0	9.5	10	9.0	9.4	9.5	5.0	9.3	7.5	8.0	7.0	7.6	7.0	9.0	8.3			10	10	10	9.0	9.0	9.0	8.0	10	9.3	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.1			
16	Bùi Minh Long	8.0	5.5	9.0	7.3	7.8	7.5	6.0	9.3	8.2	10	10	10	10	9.5	9.8	8.0	8.8	10	7.5	8.3	6.0	7.8	10	8.5	9.0	9.5	9.5	9.0	9.8	9.5	10	9.8	9.9	4.0	10	8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.9			
17	Nguyễn Thanh Nhật Minh	9.8	9.3	7.8	8.5	7.8	8.5	6.5	7.5	7.2	10	10	7.8	10	10	9.5	7.5	8.8	10	7.0	8.0	8.0	8.0	6.0	10	8.7	6.0	6.0	10	8.8	9.2	9.5	9.3	9.4	6.0	10	8.7	CĐ	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.5		
18	Trương Hoàng Minh	10	9.5	8.5	8.3	8.5	8.8	9.0	8.8	8.9	10	10	9.0	10	10	9.8	8.5	8.5	10	7.0	9.3	5.3	7.8	10	8.5	9.0	8.0	8.0	9.0	10	9.7	9.5	8.5	9.0	5.0	10	8.3	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.9			
19	Lê Nguyễn Hải My	10	5.3	6.5	6.5	5.0	6.4	5.0	9.0	7.7	10	10	8.3	10	9.5	9.3	8.0	9.0	8.0	6.5	6.5	7.0	7.2	8.0	9.0	8.7	8.5	8.5	8.5	9.8	9.4	10	9.5	9.8	9.0	8.0	8.3	CĐ	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.5			
20	Nguyễn Trần Quốc Nam	9.5	7.5	8.8	9.0	8.3	8.6	8.0	9.5	9.0	9.8	9.8	10	10	9.0	9.5	8.0	7.0	10	7.5	10	8.0	8.4	7.0	8.0	7.7	10	10	9.0	9.8	9.5	9.0	9.0	9.0	8.0	7.0	7.3	CĐ	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.9			
21	Hồ Phương Vịnh Nghi	10	8.8	9.8	9.0	8.5	9.1	7.5	9.8	9.0	10	10	10	10	9.5	9.8	8.0	9.0	9.3	7.5	8.5	7.3	8.1	7.0	9.0	8.3	8.0	8.0	10	8.5	9.0	9.5	9.8	9.7	8.0	9.0	8.7	CĐ	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.0			
22	Trần Võ Mai Nghi	9.8	7.8	9.0	9.8	6.8	8.5	7.8	9.5	8.9	10	10	10	10	9.5	9.8	10	10	10	7.5	8.8	8.0	8.7	9.0	8.5	8.7	9.5	9.5	9.0	9.5	9.3	10	9.5	9.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	CĐ	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.1
23	Trần Thị Bảo Ngọc	10	7.8	7.8	9.5	9.0	8.9	9.8	8.8	9.1	10	10	10	10	9.0	9.5	5.0	10	8.5	7.5	5.0	7.1	7.0	10	10	9.0	10	10	8.5	9.0	8.8	9.0	8.8	8.9	8.0	10	9.3	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.1			
24	Võ Bảo Nguyễn	8.5	9.0	9.0	6.3	6.8	7.5	9.0	6.5	7.3	8.5	8.5	10	10	8.5	9.3	9.0	10	9.3	7.5	7.5	7.5	8.1	10	9.0	9.3	9.5	9.5	9.5	9.5	9.5	9.5	9.5	9.5	10	10	10	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.9			
25	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi				###		###	###	8.3		8.3			###			###			###			###			###			###	6.8		6.8	7.5		7.5	9.0		9.0						###	###			
26	Đỗ Hồng Nhung	10	10	10	9.3	10	9.8	7.0	8.8	8.2	10	10	7.8	10	10	9.5	8.0	9.0	10	7.5	7.3	8.5	8.2	7.0	9.0	8.3	8.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.5	9.8	9.7	10	10	10	10	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.1		
27	Lê Minh Quang	8.3	8.5	9.0	8.3	7.0	8.1	8.0	7.3	7.5	10	10	10	10	9.0	9.5	9.5	9.5	8.8	7.0	8.0	5.8	7.7	9.0	8.0	8.3	8.0	8.0	9.5	9.5	9.5	8.0	8.5	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	CĐ	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.5	
28	Trần Minh Quyền	5.8	6.0	9.0	8.5	8.0	7.7	3.5	5.8	5.0	7.0	7.0	5.5	10	8.5	8.1	2.5	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	4.7	1.0	4.0	3.0	3.0	3.0	6.5	4.0	4.8	9.0	8.8	8.9	6.0	8.0	7.3	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.0			
29	Huỳnh Hoàng Khánh Tâm	10	9.8	9.0	9.8	9.8	9.7	7.0	8.8	8.2	9.8	9.8	10	10	9.0	9.5	10	10	10	8.5	9.5	9.0	9.3	10	10	10	8.0	8.0	9.8	10	9.9	10	10	10	9.0	7.0	7.7	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.2		
30	Lê Duy Thanh Toàn	7.0	7.8	7.3	5.5	7.0	6.7	10	8.0	8.7	8.0	8.0	6.8	10	9.0	8.7	9.0	10	10	7.0	5.0	7.0	7.4	7.0	8.5	8.0	9.5	9.5	7.5	6.8	7.0	8.5	8.8	8.7	9.0	6.0	7.0	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.0			
31	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	10	6.5	6.3	8.0	6.3	7.3	9.5	7.5	8.2	9.3	9.3	7.0	10	9.0	8.8	3.0	7.5	7.5	6.5	6.8	6.5	6.4	3.0	10	7.7	5.5	5.5	6.5	8.3	7.7	7.5	8.5	8.0	3.0	4.0	3.7	CĐ	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.3		
32	Dương Nguyễn Song Thư	10	8.8	9.0	6.5	7.8	8.1	8.0	9.0	8.7	10	10	10	10	9.5	9.8	10	10	10	7.0	8.5	7.8	8.5	10	8.5	9.0	7.5	7.5	9.5	9.8	9.7	10	9.5	9.8	10	8.0	8.7	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.0			
33	Nguyễn Hoàng Thiên Thư	10	7.8	10	9.5	7.5	8.8	9.5	10	9.8	10	10	10	10	9.0	9.5	9.0	10	10	7.0	7.8	7.0	8.1	9.0	8.0	8.3	9.5	9.5	10	9.8	9.9	9.5	9.8	9.7	10	10	10	CĐ	CĐ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.4		
34	Nguyễn Thị Minh Thư	9.5	9.8	8.5	8.0	6.5	8.1	3.0	7.5	6.0	9.5	9.5	6.0	10	10	9.0	6.5	8.5	8.5	7.5	5.0	8.0	7.2	6.0	8.5	7.7	4.0	4.0	8.5	9.5	9.2	8.5	5.5	7.0	10	8.0	8.7	CĐ	CĐ	Đ								

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	TOÁN			LÝ			SINH			CN			NGŨ VĂN			SỬ			ĐỊA			CD			ANH			TIN HỌC			TD		MT		AN			DTB													
		TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	TX	DK	TX	DK															
1	Nguyễn Ngọc Tâm An	10	8.5	9.8	7.5	8.9	9.0	9.5	9.3	9.0		9.0	10	9.5	10	9.9	10	10	9.0	7.5	9.5	8.8	9.0	9.0	10	9.7	10		10	10	9.5	9.7	8.5	10	10	9.5	9.5	10		10	CD	CD	Đ	Đ	Đ	9.5						
2	Vũ Nhật Thiên An	9.8	9.5	7.5	8.8	8.7	9.5	4.0	5.8	9.0		9.0	8.0	9.5	9.5	9.1	8.0	9.0	9.0	7.0	9.5	6.0	7.9	8.0	10	9.3	4.5		4.5	8.5	9.5	9.2	8.0	7.3	7.5	8.8	8.1	10		10	Đ	Đ	Đ	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.2	
3	Hoàng Hồng Anh	9.0	10	8.5	9.0	9.0	8.0	5.3	6.2	10		10	10	9.5	10	9.9	5.0	10	8.5	6.0	7.0	8.5	7.4	6.0	10	8.7	9.5		9.5	8.5	9.0	8.8	7.8	9.5	9.3	9.0	8.9	9.0		9.0	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.7	
4	Ngô Trần Tuấn Anh	8.5	8.8	8.3	8.3	8.4	5.0	7.5	6.7	10		10	10	9.5	10	9.9	9.0	8.0	9.0	6.5	6.5	6.0	7.1	10	9.5	9.7	8.0		8.0	9.0	7.5	8.0	7.0	7.0	6.3	8.5	7.5	10		10	CD	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.5	
5	Trần Nguyệt Anh	10	9.8	9.8	7.0	8.9	10	9.0	9.3	5.0		5.0	10	9.5	10	9.9	8.5	10	8.0	7.5	9.3	8.5	8.6	10	10	10	9.5		9.5	9.5	8.8	9.0	7.5	8.8	9.5	8.5	8.6	10		10	CD	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.9	
6	Nguyễn Trần Bang	7.0	4.0	5.3	4.3	5.0	8.0	4.8	5.9	8.0		8.0	7.0	9.5	9.5	8.9	9.0	7.0	8.0	5.0	5.5	4.5	6.0	6.0	9.0	8.0	7.5		7.5	8.0	9.3	8.9	8.3	8.8	9.0	9.3	8.9	9.0		9.0	CD	CD	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.6	
7	Trần Đức Chính	8.8	6.5	7.5	6.5	7.2	9.0	7.0	7.7	8.0		8.0	9.5	10	9.0	9.4	8.0	9.0	8.0	5.5	7.3	6.0	7.0	10	9.0	9.3	6.5		6.5	7.3	6.3	6.6	9.3	9.5	8.5	8.8	9.0	10		10	CD	CD	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.1	
8	Phạm Trần Linh Đan	10	9.5	8.8	9.3	9.3	9.8	10	9.9	10		10	10	10	10	10	10	10	9.0	8.0	9.5	8.8	9.1	10	10	10	9.5		9.5	10	10	10	9.0	9.0	9.3	9.8	9.4	10		10	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.7	
9	Mai Hải Đăng	4.0	3.0	4.5	7.3	5.1	5.0	3.8	4.2	9.0		9.0	9.0	10	9.5	9.5	6.0	8.0	8.0	3.0	5.0	6.5	5.7	4.0	9.0	7.3	4.5		4.5	7.5	9.3	8.7	6.5	8.0	3.0	6.5	6.1	9.0		9.0	CD	CD	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.9	
10	Nguyễn Đăng Thái Hà	8.0	5.5	4.5	3.8	5.0	7.0	6.8	6.9	10		10	9.0	9.5	10	9.6	8.0	7.0	7.5	6.0	8.5	3.5	6.5	9.0	9.0	9.0	8.0		8.0	7.8	8.8	8.5	8.0	9.0	8.5	8.5	8.5	8.0		8.0	CD	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.0	
11	Trần Hoàng Hải	3.8	2.0	4.5	5.0	4.1	1.0	4.0	3.0	4.0		4.0	5.0	10	9.0	8.3	2.0	8.0	9.0	4.0	6.0	5.0	5.4	8.0	8.5	8.3	6.5		6.5	7.5	10	9.2	7.3	5.5	4.5	6.3	6.0	9.0		9.0	Đ	CD	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.4	
12	Nguyễn Thanh Hằng	5.5	0.5	5.5	6.5	5.0	4.0	3.0	3.3	2.0		2.0	8.5	9.5	10	9.5	8.0	8.0	9.0	7.0	4.8	6.5	6.8	10	10	10	5.0		5.0	6.5	5.5	5.8	5.5	6.8	5.5	6.0	6.0	10		10	CD	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.3	
13	Lê Bảo Hán	9.5	7.3	7.8	9.3	8.5	10	9.5	9.7	9.0		9.0	10	10	10	10	9.5	10	9.5	7.0	9.5	9.0	8.9	8.0	10	9.3	10		10	9.5	9.5	9.5	9.5	8.8	8.3	9.0	8.9	10		10	Đ	Đ	CD	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.4
14	Huỳnh Vũ Gia Hán	9.5	1.5	6.8	6.8	6.4	9.5	9.0	9.2	10		10	10	9.5	10	9.9	7.0	10	5.0	6.8	8.5	7.3	7.5	8.0	10	9.3	8.0		8.0	8.0	9.3	8.9	9.5	10	9.3	9.3	9.5	10		10	CD	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.9	
15	Tạ Huy Hoàng	5.3	3.0	2.8	2.5	3.2	5.0	3.0	3.7	6.0		6.0	8.0	9.5	10	9.4	4.0	8.0	7.5	6.0	5.0	5.5	5.8	2.0	8.0	6.0	2.5		2.5	7.0	5.5	6.0	3.0	4.8	2.5	5.0	4.1	10		10	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.7	
16	Tổng Mặc Khải	7.3	7.5	4.0	5.5	5.6	6.5	3.3	4.4	8.0		8.0	6.5	9.5	9.5	8.8	7.0	4.0	8.0	5.0	3.0	2.3	4.4	7.0	7.0	7.0	2.5		2.5	8.0	7.5	7.7	6.8	7.8	6.8	7.3	7.2	9.0		9.0	CD	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.5	
17	Lê Hữu Khang	8.0	3.0	4.3	3.8	4.5	1.0	1.0	1.0	1.0		1.0	5.0	9.5	10	8.6	3.0	3.0	3.0	5.0	5.0	6.0	4.6	2.0	1.5	1.7	3.5		3.5	8.3	6.5	7.1	3.8	2.8	1.8	5.0	3.7	10		10	CD	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	4.6	
18	Lê Điền Vinh Khánh	10	9.5	9.0	9.0	9.3	10	9.5	9.7	10		10	9.0	9.5	10	9.6	9.0	9.0	10	7.5	10	9.0	9.0	10	10	10	10		10	9.0	10	9.7	9.0	10	9.0	9.3	9.3	9.0		9.0	CD	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.6	
19	Nguyễn Đình Đăng Khoa	8.5	4.0	5.5	5.8	5.9	9.0	5.8	6.9	7.0		7.0	9.5	9.5	9.5	9.5	6.0	8.0	1.0	6.0	7.0	6.5	6.0	8.0	8.0	8.0	7.5		7.5	7.5	8.3	8.0	6.5	6.3	6.5	7.0	6.7	10		10	Đ	Đ	CD	CD		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.6
20	Ngô Thị Phương Linh	9.3	6.5	5.8	6.3	6.7	8.0	3.3	4.9	5.0		5.0	7.5	9.5	10	9.3	3.0	9.0	5.5	4.0	6.5	6.0	5.6	7.0	9.0	8.3	5.0		5.0	5.0	8.3	7.2	5.0	7.5	4.5	7.5	6.4	10		10	CD	Đ	Đ	CD		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.8
21	Nguyễn Thanh Long	5.5	3.5	4.0	4.0	4.2	4.0	4.3	4.2	1.0		1.0	8.0	10	9.0	9.0	5.0	6.0	5.0	4.5	4.3	4.0	4.6	8.0	9.5	9.0	2.5		2.5	5.5	4.3	4.7	5.3	7.5	5.3	4.0	5.2	10		10	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.4	
22	Lê Huỳnh Cẩm Ly	8.5	3.5	8.0	6.3	6.8	9.0	5.3	6.5	5.0		5.0	9.5	10	10	9.9	9.0	8.0	8.0	6.5	7.0	7.8	7.5	9.0	10	9.7	10		10	8.5	8.3	8.4	7.3	6.0	7.3	7.5	7.1	10		10	CD	CD	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.1	
23	Trần Lê Xuân Mai	8.0	7.0	7.0	8.8	7.8	8.5	5.8	6.7	10		10	9.0	10	10	9.8	6.0	7.0	9.0	5.5	7.5	7.5	7.0	7.0	9.0	8.3	9.5		9.5	7.3	8.0	7.8	9.0	9.0	6.8	9.3	8.7	8.0		8.0	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.4	
24	Phạm Đức Mạnh	9.3	8.3	7.0	7.5	7.8	9.0	6.8	7.5	9.0		9.0	10	9.5	10	9.9	8.0	10	9.0	7.0	9.0	6.5	8.0	10	9.0	9.3	7.0		7.0	9.0	8.0	8.3	6.0	8.0	7.0	6.8	6.9	9.0		9.0	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.3	
25	Phạm Kim Ngân	5.3	3.0	2.5	5.0	3.9	6.0	2.0	3.3	4.0		4.0	9.5	9.5	10	9.8	7.5	9.0	3.5	7.5	7.0	7.3	7.1	6.0	9.5	8.3	3.0		3.0	7.0	8.3	7.9	3.5	3.0	3.5	6.0	4.4	7.0		7.0	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.9	
26	Nguyễn Hoàng Anh Ngọc	9.3	5.8	7.8	7.3	7.6	8.0	6.8	7.2	10		10	9.0	10	10	9.8	7.0	8.0	10	7.0	9.0	7.3	8.0	10	8.5	9.0	9.5		9.5	10	10	10	7.8	9.0	8.0	9.3	8.7	10		10	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.0	
27	Lê Hoàng Nguyên	5.5	3.5	2.0	3.5	3.3	1.0	3.5	2.7	6.0		6.0	6.5	9.5	10	9.0	6.5	6.0	5.0	4.0	5.8	4.5	5.1	8.0	8.1	8.1	5.0		5.0	3.0	5.5	4.7	8.0	7.0	5.3	5.5	6.3	10		10	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.0	
28	Trần Thiện Nhân	9.5	8.5	5.0	7.5	7.2	8.5	6.3	7.0	9.0		9.0	9.5	8.0	10	9.4	9.0	9.0	8.5	6.0	7.0	5.8	7.1	10	0.0	3.3	4.5		4.5	10	8.0	8.7	7.3	5.8	5.3	7.5	6.7	9.0		9.0	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.2	
29	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	8.8	6.5	3.3	6.5	5.8	10	8.5	9.0	9.0		9.0	10	10	10	10	9.5	9.0	8.0	6.0	9.0	7.5	7.9	8.0	9.5	9.0	10		10	9.5	9.5	9.5	7.3	9.8	8.3	8.8	8.6	9.0		9.0	Đ	Đ	CD		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.8	
30	Nguyễn Hồ Thanh Nhi	8.5	10	9.8	9.8	9.6	9.0	8.0	8.3	10		10	9.5	9.5	10	9.8	9.0	9.0	9.0	7.5	7.5	8.3	8.2	10	9.5	9.7	9.5		9.5	9.0	9.5	9.3	9.5	5.5	5.0	7.0	6.8	10		10	Đ	Đ	Đ		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.1	
31	Nguyễn Quỳnh Như	9.3	7.8	8.0	8.8	8.5	8.0	7.5	7.7	9.0		9.0	10	10	10	10	8.5	10	9.0	8.0	10	8.0	8.8	10	9.5	9.7	10		10	9.5	10	9.8	9.0	9.8	6.8	9.8	9.0	10		10	Đ	CD	CD		Đ	Đ	Đ					

BẢNG ĐIỂM ĐỢT 2 - HỌC KỲ II - NH 2016 - 2017
LỚP: 6A4

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	TOÁN						LÝ			SINH			CN			NGŨ VĂN						SỬ			ĐỊA			CD			ANH						TD		MT		AN			DTB									
		TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX		DK	ĐTB							
1	Nguyễn Lê Thanh An	10	8.0	9.0	7.0	7.8	8.1	5.0	6.0	5.7	8.0	9.0	8.7	10	10	10	10	9.5	9.0	7.5	9.5	8.5	8.8	7.0	10	9.0	9.5	10	10	10	7.3	9.0	9.0	9.5	8.9	10	8.0	9	8.8	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.8				
2	Trần Vũ Quốc An	10	9.3	8.8	6.0	8.0	8.0	2.5	9.5	7.2	6.0	7.3	6.9	4.0	8.0	10	8.0	6.0	10	10	7.0	8.5	7.3	8.0	7.0	10	9.0	9.5	9.5	7.0	9.3	8.5	5.3	6.3	7.5	7.8	6.9	9.0	10	9	9.4	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.1			
3	Ngô Đình Nhật Anh	8.5	8.5	6.0	7.0	7.8	7.5	6.3	8.5	7.8	6.5	7.3	7.0	6.5	10	10	9.1	9.0	9.0	8.0	6.5	8.0	6.5	7.6	10	9.5	9.7	4.5	4.5	7.8	8.8	8.5	6.0	6.3	3.5	5.3	5.3	9.0	7.0	7	7.4	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.4		
4	Nguyễn Trần Quốc Anh	8.0	3.0	5.5	4.8	5.5	5.3	5.0	5.8	5.5	8.0	8.3	8.2	7.0	9.0	9.0	8.5	5.0	6.5	9.0	5.0	6.5	7.8	6.6	1.0	8.0	5.7	5.0	5.0	8.0	8.8	8.5	5.5	7.5	3.8	6.5	6.0	9.0	8.0	5	7.0	CD	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.6			
5	Nguyễn Đa Gia Bảo	8.5	3.5	8.0	6.8	7.0	6.8	6.0	6.8	6.5	10	9.8	9.9	6.5	8.5	10	8.8	5.0	6.5	4.0	5.5	4.0	5.5	5.1	5.0	8.0	7.0	6.0	6.0	8.5	6.5	7.2	5.8	7.5	3.0	6.0	5.7	3.0	5.0	7	5.4	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.8		
6	Quan Toại Công	10	7.8	7.5	7.8	8.8	8.4	9.5	7.5	8.2	8.0	9.0	8.7	9.0	10	10	9.8	9.5	8.5	6.0	7.0	7.0	7.0	7.3	10	10	10	9.5	9.5	10	10	10	9.0	10	7.5	8.8	8.8	10	8.0	7	8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.9			
7	Nguyễn Ngọc Kim Chi	7.3	6.5	7.5	6.0	6.5	6.6	4.5	5.0	4.8	6.0	7.8	7.2	9.0	9.0	10	9.5	6.0	6.0	5.0	6.5	7.0	7.8	6.6	10	10	10	4.5	4.5	7.5	8.5	8.2	5.5	7.3	5.5	6.8	6.4	10	7.0	8	8.0	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.2		
8	Lê Đạt	9.3	7.0	8.5	8.3	8.3	8.3	4.5	7.3	6.4	8.5	6.3	7.0	7.5	9.0	10	9.1	8.5	7.0	8.0	8.0	6.5	7.5	7.5	7.0	10	9.0	9.5	9.5	10	9.3	9.5	3.0	7.0	7.0	8.0	6.6	8.0	0.0	7.5	4.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.8		
9	Lê Thanh Thành Đạt	10	9.8	9.0	9.5	9.0	9.4	9.5	9.0	9.2	8.0	8.5	8.3	9.0	9.0	10	9.5	7.0	9.0	9.0	7.5	9.0	8.8	8.4	9.0	10	9.7	9.5	9.5	10	10	10	8.8	9.0	7.3	7.3	7.9	9.0	10	7.5	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.1		
10	Phan Tấn Đạt	10	5.0	7.0	9.0	8.3	8.1	9.5	6.0	7.2	8.0	7.0	7.3	5.5	9.0	8.5	7.9	3.0	6.0	6.0	4.0	4.5	3.5	4.3	0.0	10	6.7	6.5	6.5	5.0	5.8	5.5	1.0	1.0	2.0	4.0	2.4	5.0	6.0	4.5	5.2	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.1		
11	Châu Ân Đức	7.5	5.5	7.8	6.5	5.5	6.4	7.5	6.0	6.5	2.5	8.0	6.2	4.0	8.5	10	8.1	2.5	8.0	10	4.0	6.0	6.0	5.8	0.0	3.0	2.0	1.0	1.0	6.8	9.0	8.3	4.0	6.5	4.8	4.3	4.8	3.0	5.0	5	4.6	Đ	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.4	
12	Nguyễn Đức Hạnh	3.0	2.3	5.3	2.8	3.3	3.3	2.5	3.3	3.0	5.5	3.5	4.2	5.0	10	8.0	7.8	2.0	8.0	7.0	3.0	4.0	4.0	4.3	2.0	8.0	6.0	2.5	2.5	5.0	9.0	7.7	1.5	3.5	3.0	3.5	3.0	3.0	5.0	6	5.0	CD	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	4.7	
13	Phạm Thị Thanh Hằng	9.0	7.8	5.5	9.5	9.5	8.6	9.3	8.0	8.4	6.5	8.0	7.5	10	10	10	10	8.0	10	9.0	7.3	9.0	8.3	8.5	4.0	10	8.0	6.0	6.0	8.8	8.5	8.6	7.0	8.5	8.3	8.3	8.1	5.0	8.0	7.0	7.0	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.1	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7.0	3.0	2.5	5.3	3.8	4.4	1.5	1.0	1.2	1.0	4.8	3.5	3.5	8.0	9.0	7.4	2.0	0.0	5.0	3.0	2.0	4.0	2.8	2.0	10	7.3	3.0	3.0	8.0	5.0	6.0	1.8	2.3	3.0	3.3	2.7	4.0	6.0	8	6.4	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	4.5		
15	Nguyễn Phi Hoàng	7.8	2.3	8.5	3.8	4.5	5.0	6.8	5.8	6.1	8.5	7.8	8.0	7.5	8.0	9.0	8.4	8.0	8.0	9.0	5.0	6.0	3.5	6.0	4.0	9.5	7.7	8.5	8.5	9.5	9.5	4.5	6.0	4.8	6.0	5.5	7.0	7.0	7	7.0	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.2		
16	Nguyễn Lê Thế Khang	10	7.5	9.0	8.0	8.8	8.6	6.0	6.5	6.3	1.0	7.0	5.0	7.0	8.0	8.5	8.0	6.0	4.0	8.0	5.0	8.5	8.0	6.8	8.0	9.5	9.0	9.5	9.5	6.5	9.5	8.5	8.0	8.3	5.5	7.8	7.5	9.0	9.0	5.5	7.6	Đ	Đ	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.7
17	Bùi Nguyễn Bảo Khanh	7.5	6.5	8.5	6.5	6.0	6.8	5.3	6.3	6.0	3.0	8.0	6.3	9.0	8.0	10	9.3	9.0	7.5	8.0	7.0	8.0	6.8	7.6	8.0	10	9.3	9.5	9.5	8.0	8.5	8.3	6.3	9.0	7.5	8.0	7.8	9.0	7.0	4	6.2	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.7	
18	Nguyễn Phạm Anh Khoa	6.0	4.8	5.0	5.0	7.5	5.8	1.0	5.3	3.9	4.0	9.0	7.3	7.0	9.0	9.5	8.8	2.0	4.0	3.0	4.0	3.5	5.5	3.9	10	9.0	9.3	4.5	4.5	4.0	7.8	6.5	4.5	4.5	2.0	6.0	4.6	3.0	5.0	5	4.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.9		
19	Đỗ Thái Đăng Khôi	8.3	6.5	7.8	6.3	8.0	7.3	5.0	5.0	5.0	6.0	9.3	8.2	8.5	8.0	8.5	8.4	6.0	5.0	3.0	5.5	9.0	7.5	6.4	7.0	9.0	8.3	8.0	8.0	9.5	8.5	8.8	6.8	6.3	3.8	6.3	5.9	9.0	7.0	7	7.4	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.4		
20	Huỳnh Thị Ngọc Linh	10	5.8	6.8	7.3	7.3	7.4	5.0	6.5	6.0	6.0	6.8	6.5	8.0	8.0	10	9.0	9.5	5.0	9.0	7.3	9.0	9.0	8.2	10	8.0	8.7	5.0	5.0	7.0	9.3	8.5	5.0	6.3	5.3	6.3	5.8	8.0	7.0	5	6.4	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.2	
21	Nguyễn Hoàng Long	8.3	4.0	8.3	5.8	7.5	6.7	9.0	5.0	6.3	6.0	5.8	5.9	5.0	8.0	9.0	7.8	1.0	5.0	2.0	5.5	8.0	6.3	5.3	0.0	9.0	6.0	8.0	8.0	7.5	5.8	6.4	6.3	4.8	3.8	7.0	5.8	5.0	8.0	7.5	7.2	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.5	
22	Trần Võ Xuân Mai	6.5	6.0	9.0	8.0	7.3	7.4	5.3	5.0	5.1	5.0	8.8	7.5	10	8.0	9.0	9.0	7.0	7.0	8.0	5.8	4.5	7.0	6.3	8.5	8.0	8.2	9.5	9.5	8.5	6.5	7.2	6.3	6.5	5.3	5.5	5.8	5.0	10	6.5	7.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.4		
23	Nguyễn Đức Mạnh	9.0	9.8	7.0	8.5	8.3	8.5	6.8	5.3	5.8	2.0	8.5	6.3	9.0	10	10	9.8	6.5	6.0	8.0	6.0	6.0	4.0	5.8	6.0	9.0	8.0	1.0	1.0	8.3	6.5	7.1	5.5	6.3	3.3	5.0	5.0	8.0	6.0	4.5	5.8	CD	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.3	
24	Trịnh Võ Nhật Nam	8.8	7.5	8.5	8.5	7.3	8.1	10	9.3	9.5	10	10	10	9.0	9.5	10	9.6	5.0	7.0	8.0	6.0	8.0	7.0	6.9	9.0	9.0	9.0	5.5	5.5	9.5	9.8	9.7	10	9.5	8.5	10	9.6	10	10	9	9.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.8		
25	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	8.8	9.0	6.0	4.8	7.5	6.9	5.5	7.5	6.8	2.0	8.8	6.5	10	9.5	10	9.9	6.0	9.0	8.0	6.0	6.0	7.0	6.8	5.0	9.0	7.7	5.5	5.5	7.5	8.5	8.2	7.8	7.0	6.8	6.3	6.8	3.0	8.0	6.5	6.4	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.2	
26	Trần Minh Nguyễn	9.0	9.8	7.0	5.0	7.0	7.1	10	7.3	8.2	8.0	8.0	8.0	7.5	10	10	9.4	7.0	9.0	9.0	6.0	9.0	7.5	7.8	1.0	9.5	6.7	3.5	3.5	7.5	7.5	7.5	6.3	4.5	2.8	5.8	5.0	10	8.0	4.5	7.0	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.0	
27	Trần Trọng Nhân	9.0	10	7.5	9.5	10	9.4	8.5	8.5	8.5	9.0	9.5	9.3	10	10	10	10	9.0	8.0	10	7.0	8.5	8.5	8.3	10	10	10	10	9.5	9.5	9.5	8.3	8.7	9.5	10	9.8	9.8	9.8	10	7.0	8.5	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.2	
28	Trần Ngọc Quỳnh Như	9.8	9.0	9.0	8.0	8.8	8.8	6.5	6.0	6.2	4.5	8.8	7.4	8.0	9.5	10	9.4	7.0	7.0	7.0	6.5	7.0	8.3	7.2	10	10	10	6.5	6.5	7.5	8.5	8.2	7.8	8.5	9.3	9.0	8.7	10	8.0	8.5	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.1	
29	Trần Đại Phước	8.3	7.5	7.8	6.3	7.3	7.3	6.0	6.0	6.0	7.5	9.0	8.5	10	8.0	9.0	9.0	10	7.0	8.0	7.0	8.5	6.3	7.6	10	9.5	9.7	10	10	9.0	9.3	9.2	5.3	6.5	4.8	6.8	6.0	1.0	7.0	7	5.8	Đ	Đ	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ					

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	TOÁN			LÝ			SINH			CN			NGŨ VĂN						SỬ			ĐỊA			CD			ANH						TIN HỌC			TD		MT		AN		ĐTB					
		TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB						
1	Hồ Gia An	10	8.3	8.9	10	9.8	9.9	9.0	8.5	8.7	9.0	9.0	10	9.5	8.5	8.8	8.8	6.8	6.5	7.0	7.4	9.0	9.5	9.3	7.5	7.5	8.5	8.8	8.7	9.0	10	9.0	9.3	9.3	9.0	10	8.5	9.2	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.8	
2	Nguyễn Lan Anh	8.0	5.0	6.0	7.0	9.3	8.5	10	9.5	9.7	10	9.0	10	9.8	10	9.0	9.6	8.0	8.0	8.5	8.6	8.0	10	9.3	10	10	9.5	9.8	9.7	9.5	10	10	9.3	9.6	7.0	9.0	9	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.0	
3	Phùng Hồng Anh			###			###							###							###																										###		
4	Trịnh Phương Anh	7.5	6.3	6.7	9.0	9.0	9.0	8.0	8.5	8.3	10	9.0	10	9.8	8.0	9.5	6.7	7.8	7.0	8.5	7.9	6.0	7.5	7.0	6.5	6.5	9.5	6.5	7.5	8.5	9.0	7.5	9.8	8.9	9.0	7.0	7.5	7.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.9	
5	Vũ Lý Gia Bảo	4.8	1.8	2.8	5.0	7.0	6.3	8.0	7.3	7.5	6.5	10	9.5	8.9	4.0	3.0	7.8	4.5	3.8	5.0	4.6	3.0	6.3	5.2	4.0	4.0	8.0	6.3	6.9	4.0	5.5	4.0	7.3	5.6	6.0	6.0	6	6.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.8	
6	Huỳnh Văn Cường	1.8	0.5	0.9	2.0	2.0	2.0	2.0	3.5	3.0	6.5	9.0	9.5	8.6	6.5	6.0	6.7	5.5	5.0	4.0	5.4	4.0	5.5	5.0			7.5	6.0	6.5	4.5	2.0	2.5	4.5	3.6	9.0	8.0	6	7.4	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	4.7	
7	Phạm Huỳnh Kim Châu	9.8	7.8	8.5	9.0	10	9.8	8.0	8.5	8.3	10	9.0	10	9.8	8.5	8.8	7.8	8.0	7.5	8.5	8.1	10	9.0	9.3	7.5	7.5	9.8	7.3	8.1	8.3	10	8.0	9.0	8.9	7.0	8.0	9.5	8.4	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.7	
8	Phan Nguyễn Bảo Diệp	5.0	4.0	4.3	5.5	6.5	6.2	5.5	8.0	7.2	8.0	10	9.5	9.3	5.8	7.0	8.5	7.0	5.3	7.8	6.8	10	8.0	8.7	9.5	9.5	8.5	9.5	9.2	5.5	7.0	7.5	5.8	6.3	7.0	6.0	6.5	6.4	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.4	
9	Nguyễn Ngọc Yên Đình	9.5	3.5	5.5	7.3	5.3	6.0	4.0	7.0	6.0	9.5	8.5	9.5	9.3	5.0	5.0	8.0	7.0	6.5	7.0	6.6	2.0	7.5	5.7	4.0	4.0	8.5	6.5	7.2	8.3	8.0	5.5	6.3	6.9	8.0	8.0	8	8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.5	
10	Nguyễn Tăng Gia Định	5.5	3.8	4.4	8.0	5.0	6.0	5.0	5.5	5.3	9.0	9.0	10	9.5	8.0	8.8	8.8	5.5	6.0	6.8	6.9	3.0	7.5	6.0	6.0	6.0	7.8	8.5	8.3	4.3	9.5	6.5	7.3	7.0	6.0	6.0	8.5	7.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.6	
11	Lê Việt Mỹ Hạnh	9.5	6.8	7.7	6.5	8.5	7.8	6.0	8.8	7.9	10	10	10	10	9.5	9.0	10	7.8	7.0	7.3	8.1	9.0	10	9.7	7.5	7.5	10	8.5	9.0	9.5	9.0	7.0	8.3	8.4	6.0	8.0	7.5	7.4	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.4	
12	Đặng Xuân Hào	9.0	7.3	7.9	5.0	8.0	7.0	8.0	9.5	9.0	8.5	9.0	9.5	9.1	1.3	8.0	9.5	6.5	4.3	6.8	6.0	2.0	9.0	6.7	7.5	7.5	8.5	8.0	8.2	7.3	7.0	7.5	8.3	7.7	6.0	7.0	9.5	7.8	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.7	
13	Nguyễn Mai Gia Hân	9.8	9.0	9.3	9.0	6.3	7.2	8.0	7.8	7.9	9.5	9.5	9.5	9.5	8.3	9.0	10	7.0	7.3	8.8	8.2	9.0	7.5	8.0	9.5	9.5	8.3	8.3	8.3	8.5	9.5	9.5	9.5	9.3	6.0	7.0	8	7.2	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.4	
14	Trương Phú Hiếu	8.8	4.0	5.6	7.0	6.0	6.3	9.0	9.0	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	7.8	9.0	8.0	7.8	6.8	8.8	8.0	5.0	6.8	6.2	9.5	9.5	8.0	7.0	7.3	6.5	7.0	6.5	8.0	7.2	4.0	6.0	4.5	5.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.3	
15	Lương Ngọc Quỳnh Hoa	8.8	5.5	6.6	8.0	5.5	6.3	8.0	8.5	8.3	10	9.0	10	9.8	6.5	9.3	8.5	7.8	7.3	6.8	7.6	10	9.5	9.7	9.5	9.5	9.5	9.3	9.4	7.5	6.0	6.5	8.0	7.2	10	8.0	8	8.4	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.3	
16	Nguyễn Trung Kiên	4.5	1.8	2.7	5.5	5.8	5.7	9.0	8.5	8.7	4.0	10	9.5	8.3	6.3	5.0	3.5	5.5	3.3	4.3	4.6	0.0	5.0	3.3	3.0	3.0	8.0	8.5	8.3	6.0	5.5	3.0	4.3	4.6	10	8.0	9.5	9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.8	
17	Cao Nguyễn Quốc Khánh	4.5	3.5	3.8	5.5	3.0	3.8	9.0	6.5	7.3	5.0	8.0	10	8.3	4.0	4.3	3.5	6.5	5.3	7.3	5.6	2.0	6.3	4.9	1.0	1.0	8.3	6.0	6.8	5.3	6.0	5.5	6.8	6.1	3.0		6.5	5.3	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.3	
18	Triệu Hoàng Khoa	4.0	2.0	2.7	3.3	4.0	3.8	4.5	5.8	5.4	2.5	10	9.0	7.6	5.0	3.0	7.8	2.0	4.0	7.3	4.7	1.0	2.0	1.7	1.0	1.0	6.0	6.3	6.2	2.0	3.5	1.5	6.0	3.8	5.0	8.0	6	6.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	4.4	
19	Nguyễn Minh Khôi	9.5	7.8	8.4	9.8	8.3	8.8	9.0	6.0	7.0	8.0	8.5	10	9.1	5.0	8.0	10	7.0	8.0	8.0	7.7	2.0	9.0	6.7	7.5	7.5	9.0	9.8	9.5	7.0	9.0	8.5	8.5	8.3	6.0		9.5	8.3	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.1	
20	Nguyễn Kim Long	4.5	2.8	3.4	7.0	5.0	5.7	4.5	7.3	6.4	5.5	9.0	9.0	8.1	6.5	4.0	4.5	6.0	5.0	6.0	5.4	3.0	5.5	4.7	5.0	5.0	7.5	5.5	6.2	4.5	8.0	3.0	8.0	6.3	4.0	4.0	5.5	4.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.6	
21	Nguyễn Duy Khải Minh	10	9.3	9.5	7.0	8.8	8.2	10	7.5	8.3	9.5	9.0	10	9.6	6.5	7.8	6.5	7.0	6.5	7.5	7.0	8.0	9.0	8.7	9.5	9.5	10	7.5	8.3	8.8	9.0	8.5	9.0	8.9	8.0	8.0	9.5	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.7	
22	Nguyễn Trần Trà My	4.3	2.3	3.0	7.0	2.3	3.9	8.0	6.0	6.7	7.0	9.0	9.0	8.5	4.5	7.5	7.5	5.5	5.5	5.0	5.7	3.0	1.0	1.7	5.5	5.5	7.3	6.5	6.8	2.3	3.0	2.0	5.0	3.5	8.0	8.0	5.5	7.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.2	
23	Nguyễn Quốc Nam	8.0	5.3	6.2	7.0	6.0	6.3	4.0	5.0	4.7	5.5	9.0	10	8.6	6.0	5.8	7.8	6.0	6.5	3.8	5.8	2.0	6.0	4.7	4.5	4.5	6.0	7.0	6.7	5.0	5.5	5.0	5.8	5.4	7.0	7.0	9.5	8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.1	
24	Phạm Hữu Nghĩa	2.0	2.5	2.3	4.0	3.5	3.7	3.5	4.3	4.0	7.5	9.0	10	9.1	0.1	1.0	6.8	0.1	1.5	3.5	2.0	0.0	3.5	2.3	5.0	5.0	8.0	6.0	6.7	7.8	8.0	7.0	8.5	8.0	7.0	8.0	5	6.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.0	
25	Lê Trần Bảo Ngọc	10	9.0	9.3	9.5	8.5	8.8	8.0	9.5	9.0	9.5	9.0	10	9.6	10	9.3	10	8.0	7.5	9.0	8.7	10	10	10	8.0	8.0	9.0	10	10	9.7	8.8	10	7.5	9.5	9.1	9.0	8.0	9	8.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.1
26	Phạm Ngọc Yến Nhi	10	4.0	6.0	10	9.0	9.3	6.0	9.0	8.0	8.0	10	10	9.5	10	9.0	10	7.0	7.0	8.0	4.4	10	9.5	9.7	8.0	9.5	8.8	9.5	9.3	7.3	9.0	8.5	9.3	8.7	7.0	8.0	7.5	7.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.6	
27	Nguyễn Thanh Nhựt	6.5	2.8	4.0	3.5	2.0	2.5	6.0	6.0	6.0	5.5	9.0	8.5	7.9	0.1	5.5	7.5	5.0	4.3	3.8	4.4	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	4.5	6.0	5.5	5.0	8.5	6.5	5.0	6.0	6.0	7.0	7	6.8	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	4.7	
28	Trần Hoàng Phúc	3.0	2.3	2.5	5.5	8.0	7.2	8.5	8.5	8.5	9.0	8.5	10	9.4	3.0	8.8	8.8	5.5	5.5	6.8	6.2	2.0	8.0	6.0	7.5	7.5	5.0	9.0	7.7	8.3	9.5	8.5	8.8	8.8	7.0	8.0	9	8.2	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.2	
29	Phạm Uyên Phương	9.8	8.8	9.1	7.5	7.8	7.7	4.0	9.5	7.7	10	9.5	10	9.9	10	9.5	10	8.5	7.0	8.3	8.6	8.0	9.5	9.0	9.5	9.5	9.5	9.3	9.4	9.5	9.5	9.5	10	9.7	7.0	10	8.5	8.8	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.9	
30	Lê Trần Mỹ Tâm	9.0	6.0	7.0	7.0	5.8	6.2	4.0	4.8	4.5	7.0	9.0	10	9.0	8.5	3.0	6.8		3.8	5.5	5.3	5.0	6.0	5.7	5.0	5.0	8.0	5.3	6.2	8.8	6.0	4.5	5.3	6.0	6.0	4.0	4.5	4.6	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.0	
31	Hồ Thị Thủy Tiên	9.3	5.3	6.6	4.0	6.5	5.7	6.0	8.0	7.3	8.5	9.0	9.0	8.9	8.5	8.8	8.5	6.8	6.5	6.8	7.3	5.0	7.0	6.3	7.5	7.5	8.5	8.0	8.2	4.5	7.5	3.5	3.8	4.6		5.0	6	5.5	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.8	
32	Nguyễn Ngọc Tiên	10	6.8	7.9	7.0	7.5	7.3	7.0	8.5	8.0	10	9.0	10	9.8	5.5	8.5	6.8	6.8	6.5	7.3	6.9	10	8.5	9.0	6.5	6.5	8.0	8.5	8.3	9.0	9.0	8.0	7.8																

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	TOÁN			LÝ			SINH			CN			NGŨ VĂN						SỬ			ĐỊA			CD			ANH						TIN HỌC			TD		MT		AN		ĐTB					
		TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB	TX	DK	ĐTB						
1	Nguyễn Ngọc Anh	3.5	4.3	4.0	5.5	7.8	7.0	3.5	5.0	4.5	3.0	10	9.0	7.8	0.5	1.3	5.8	5.0	4.0	5.0	4.0	4.0	3.5	3.7	2.5	2.5	7.0	6.5	6.7	5.8	3.0	5.0	4.5	4.6	8.0		8.0	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.3				
2	Nguyễn Đăng Thiên Ân	9.8	7.0	7.9	7.5	8.0	7.8	8.0	10	9.3	10	10	10	10	10	7.5	8.0	8.0	6.8	7.3	7.8	7.5	7.0	8.5	8.0	10	10	9.0	8.5	8.7	10	8.0	8.8	7.8	8.5	9.0		9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.7			
3	Lý Gia Bảo	6.5	4.0	4.8	6.5	7.3	7.0	7.0	6.0	6.3	5.0	10	8.5	8.0	4.5	7.3	6.0	6.0	5.8	5.8	5.9	1.0	5.0	3.7	7.5	7.5	6.0	8.5	7.7	3.5	4.5	4.5	5.5	4.7	5.0		5.0	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.1				
4	Võ Nhật Thiên Bảo	10	8.8	9.2	5.0	7.0	6.3	8.0	10	9.3	9.0	10	9.0	9.3	9.0	9.5	8.5	7.0	6.5	7.5	7.7	7.0	8.0	7.7	10	10	7.5	7.8	7.7	9.5	8.3	6.5	7.5	7.9	9.0		9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.4				
5	Nguyễn Vĩnh Bình	5.5	2.0	3.2	8.5	9.5	9.2	7.0	9.5	8.7	10	10	8.0	9.0	4.0	8.0	6.5	5.0	5.5	6.5	5.8	6.0	5.5	5.7	9.5	9.5	7.3	6.0	6.4	6.5	8.5	8.5	7.3	7.6	10		10	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.5					
6	Lê Nguyễn Bảo Duy	7.5	6.5	6.8	10	8.8	9.2	6.0	8.5	7.7	9.5	10	9.0	9.4	6.0	6.8	8.8	6.8	7.0	6.3	6.9	10	7.5	8.3			9.5	8.0	8.5	8.0	7.5	8.5	9.3	8.5	6.0		6.0	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.9				
7	Nguyễn Nhất Duy	6.5	4.3	5.0	4.0	8.3	6.9	10	6.5	7.7	4.0	10	9.0	8.0	6.0	5.0	3.5	6.0	6.5	5.5	5.6	2.0	7.3	5.5	6.5	6.5	7.3	7.3	7.3	7.5	7.0	3.0	6.0	5.9	5.0		5.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.3				
8	Trần Nguyễn Đức Duy	10	4.5	6.3	8.5	9.0	8.8	10	10	10	10	10	10	10	10	6.5	9.0	5.0	6.0	6.5	6.7	7.0	10	9.0	7.5	7.5	10	7.0	8.0	9.0	8.0	7.5	8.0	8.1	10		10	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.4				
9	Ngô Trường Giang			###			###			###			###			3.8							###			###			###			3.5	0.0				###			###			###			###			###
10	Trần Đức Hòa	8.0	6.3	6.9	6.0	8.8	7.9	10	9.0	9.3	10	10	9.5	9.8	8.5	4.5	8.5	6.0	6.5	6.3	6.6	8.0	7.0	7.3	7.5	7.5	8.0	8.0	8.0	9.5	8.5	8.0	8.8	8.7	10		10	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.2				
11	Trần Lê Việt Hoàng	8.0	5.3	6.2	8.5	8.0	8.2	10	9.0	9.3	9.5	10	9.0	9.4	8.0	9.0	8.5	5.0	7.0	8.5	7.4	8.0	10	9.3	9.5	9.5	8.5	8.0	8.2	8.8	7.5	7.0	8.3	8.0	10		10	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.6				
12	Huỳnh Bảo Huy	7.0	0.3	2.5	5.0	8.5	7.3	4.0	7.5	6.3	6.8	10	9.0	8.7	3.5	8.5	8.0	5.5	5.0	6.3	6.0	6.0	10	8.7	8.0	8.0	5.3	8.5	7.4	6.8	4.0	3.0	5.5	5.0	8.0		8.0	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.8				
13	Hà Song Hy	8.5	5.3	6.4	7.0	9.5	8.7	8.0	9.0	8.7	9.8	10	10	10	8.0	10	9.5	7.5	8.0	8.8	8.5	7.0	10	9.0	9.5	9.5	9.0	9.8	9.5	10	10	9.3	9.5	9.7	10		10	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.0				
14	Nguyễn Anh Khoa	10	8.8	9.2	10	9.3	9.5	9.5	10	9.8	9.0	10	10	9.8	9.5	9.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.5	7.0	10	9.0	10	10	9.3	9.0	9.1	9.5	10	7.3	9.3	9.1	10		10	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.4				
15	Phạm Đăng Khoa	5.0	1.8	2.9	2.0	5.3	4.2	4.0	3.5	3.7	6.0	10	10	9.0	2.5	2.0	8.0	6.5	5.0	5.3	5.1	2.0	4.5	3.7			4.5	6.0	5.5	3.8	6.0	4.5	3.5	4.3	8.0		8.0	CD	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.2			
16	Phan Lê Đăng Linh	5.0	2.3	3.2	7.8	7.3	7.5	5.0	5.5	5.3	7.0	10	9.5	9.0	4.5	6.5	5.0	8.0	6.0	7.0	6.4	4.0	9.0	7.3	5.0	5.0	9.5	9.5	8.5	8.8	9.5	10	6.0	8.3	8.4	9.0		9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.0				
17	Nguyễn Nhật Long	7.0	7.3	7.2	8.8	9.3	9.1	6.0	8.0	7.3	8.0	10	10	10	9.5	7.0	6.5	4.0	6.0	5.8	7.3	6.2	2.0	5.0	4.0	7.5	7.5	8.0	9.3	8.9	6.8	8.0	6.3	7.8	7.3	6.0		6.0	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.3			
18	Ngô Đức Mạnh	9.5	7.5	8.2	6.5	7.8	7.4	8.0	10	9.3	6.5	10	9.5	8.9	4.5	2.5	5.3	4.0	6.5	6.0	5.0	8.5	9.5	9.2	8.0	8.0	8.3	9.8	9.3	10	9.5	8.0	9.8	9.4	9.0		9.0		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.4				
19	Phan Thanh Ngọc Mi	4.0	2.3	2.9	2.8	3.8	3.5	5.0	6.5	6.0	5.0	10	9.5	8.5	3.0	3.3	9.0	5.5	4.3	5.8	5.2	2.0	7.0	5.3	2.5	2.5	6.5	8.0	7.5	6.3	4.0	4.0	4.0	4.5	8.0		8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.4				
20	Nguyễn Trung Nam	9.5	6.0	7.2	8.0	5.5	6.3	8.5	10	9.5	9.0	10	10	9.8	8.5	9.5	9.5	8.5	7.0	7.8	8.2	9.0	8.0	8.3	8.0	8.0	9.0	8.5	8.7	6.0	8.0	5.0	8.0	7.0	9.0		9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.2				
21	Trần Nguyễn Bích Ngọc	6.5	7.8	7.4	5.5	6.0	5.8	3.0	9.0	7.0	9.3	10	10	9.8	7.0	8.5	8.3	8.0	6.0	6.5	7.2	2.0	7.0	5.3	9.5	9.5	7.3	7.5	7.4	7.5	7.5	3.5	7.5	6.7	7.0		7.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.3				
22	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	8.3	4.5	5.8	9.5	7.5	8.2	3.0	4.5	4.0	8.8	10	8.0	8.7	4.0	2.0	9.0	5.5	6.0	6.0	5.6	5.0	6.0	5.7	7.5	7.5	6.8	7.0	6.9	7.8	8.5	7.5	7.0	7.6	6.0		6.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.6				
23	Trịnh Yến Nhi	4.5	1.3	2.4	4.5	7.3	6.4	3.5	7.0	5.8	8.3	10	9.0	9.1	3.0	7.5	5.0	6.0	6.5	6.3	5.9	4.0	10	8.0	7.5	7.5	7.0	6.5	6.7	2.8	3.5	3.5	4.5	3.8	8.0		8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.4				
24	Ngô Thị Quỳnh Như	9.8	4.3	6.1	6.0	6.5	6.3	6.5	8.0	7.5	10	10	10	10	7.3	5.0	9.8	7.5	6.5	6.8	7.1	6.5	10	8.8	8.0	8.0	8.3	7.8	8.0	7.0	8.0	8.3	7.7	9.0		9.0	CD	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.9				
25	Phan Thị Ngọc Oanh	5.0	3.5	4.0	4.3	5.8	5.3	4.5	6.5	5.8	7.5	10	9.0	8.9	7.5	6.5	6.0	6.5	6.0	6.4	5.0	10	8.3	4.0	4.0	4.0	5.5	7.3	6.7	3.8	5.0	3.5	5.3	4.6	8.0		8.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.2				
26	Dương Tiên Phát	5.3	0.5	2.1	4.5	4.5	4.5	5.5	2.5	3.5	7.8	10	9.0	9.0	0.5	3.5	4.5	5.5	3.8	4.0	3.9	2.0	4.0	3.3	7.5	7.5	5.0	5.3	5.2	1.0	2.0	3.5	4.0	2.9	5.0		5.0	CD	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	4.7			
27	Nguyễn Huỳnh Minh Phú	10	9.5	9.7	10	10	10	6.5	10	8.8	10	10	9.5	9.8	10	9.0	9.0	8.0	8.3	8.3	8.6	8.0	10	9.3	10	10	9.0	9.8	9.5	10	10	9.0	10	9.8	9.0		9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	9.5				
28	Lê Huỳnh Trọng Phúc	5.0	4.3	4.5	5.5	8.8	7.7	3.0	6.0	5.0	7.8	10	10	9.5	2.0	6.5	6.8	5.5	5.5	6.3	5.5	2.0	6.5	5.0	6.0	6.0	6.8	9.3	8.5	2.5	2.5	4.5	3.5	3.3	10		10	CD	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.5			
29	Nguyễn Minh Phương	9.5	4.5	6.2	10	9.0	9.3	9.5	9.0	9.2	10	10	10	10	8.0	9.0	9.0	7.0	6.8	9.0	8.0	9.0	8.0	8.3	10	10	9.3	9.3	9.3	9.8	8.0	6.0	7.0	7.6	10		10	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	8.8				
30	Đình Quang Tạo	6.5	7.0	6.8	5.0	7.0	6.3	10	7.5	8.3	6.8	10	7.5	8.0	4.0	6.3	8.0	5.0	4.5	5.3	5.3	6.0	5.0	5.3	6.0	6.0	3.5	7.8	6.4	9.0	8.5	8.3	7.5	8.2	6.0		6.0	CD	CD	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.7			
31	Trần Duy Tâm	9.5	3.0	5.2	5.5	7.8	7.0	7.0	8.5	8.0	7.3	10	10	9.3	4.5	8.0	8.5	6.5	5.5	6.0	6.3	7.0	6.5	6.7	10	10	8.5	8.5	8.5	8.8	7.0	6.0	8.3	7.7	9.0		9.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	7.8				
32	Đặng Trường Tùng	5.5	3.5	4.2	5.0	5.5	5.3	3.5	9.5	7.5	9.8	10	10	9.0	9.5	4.5	7.0	8.5	6.5	5.0	7.0	6.3	5.0	10	8.3	4.5	4.5	6.5	9.5	8.5	5.5	5.5	5.0	3.3	4.5	5.0		5.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	6.4			
33	Trần Thị Thu Thảo	3.5	2.3	2.7	3.0	4.0	3.7	3.5	7.0	5.8	2.5	10	9.0	7.6	4.0	1.8	3.5	6.0	4.3	5.0	4.4	3.0	4.0	3.7	8.0	8.0	8.5	6.3	7.0	3.5	1.0	5.0	2.8	3.0	7.0		7.0	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	5.3				
34	Vũ Hoàng Thiện	6.3	3.0	4.1	5.5	8.3	7.4	3.5	3.0	3.2	6.5	10	8.5	8.4	1.5	5.0	5.3	6.0	6.0	5.8	5.3	2.0	3.0	2.7	7.5	7.5	10	7.3	8.2																				

BẢNG ĐIỂM ĐỢT 2 - HỌC KỲ II - NH 2016 - 2017
LỚP: 6A13

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	TOÁN			LÝ			SINH			CN			NGŨ VĂN			SỬ			ĐỊA			CD			ANH			TIN HỌC			TD		MT		AN		DTB												
		TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	DTB	TX	DK	TX	DK															
1	Phan Trần Sơn Bách	9.5	8.8	7.8	8.8	7.8	8.5	5.0	8.5	7.3	8.0	9.5	9.0	8.0	10	9.5	9.3	5.5	4.0	9.5	6.5	5.5	7.5	6.4	10	10	10	7.5	7.5	10	9.2	8.0	7.8	6.5	7.8	7.6	8.0	8.0	Đ	Đ	Đ	8.3								
2	Hồ Văn Phương Bảo	8.0	5.5	6.0	5.5	7.0	6.4	4.0	7.8	6.5	9.5	7.0	7.8	9.0	9.0	7.0	8.0	3.0	4.5	3.5	5.0	5.5	6.5	5.0	6.0	7.5	7.0	8.0	8.0	7.5	8.3	8.0	6.3	7.3	4.3	7.8	6.7	5.0	5.0	CD	CD	Đ	6.8							
3	Nguyễn Ngọc Hồng Chi	10	9.5	10	10	10	9.9	8.0	8.8	8.5	8.0	9.0	8.7	10	10	10	10	7.0	8.8	9.0	8.5	8.5	8.0	8.3	9.0	9.5	9.3	10	10	9.5	9.5	9.5	7.3	10	5.8	8.3	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	CD	Đ	Đ	9.1					
4	Lê Hà Thủy Dương	10	9.0	9.0	8.3	9.5	9.1	5.0	9.5	8.0	9.5	8.0	8.5	10	10	10	10	9.5	8.5	9.0	7.8	7.5	7.5	8.1	7.0	10	9.0	9.5	9.5	8.0	8.3	8.2	8.0	9.0	9.5	9.3	9.0	10	10	9.0	9.0	CD	Đ	Đ	8.9					
5	Trương Nhật Hà	7.8	8.0	7.8	7.3	9.0	8.0	9.0	8.5	8.7	6.5	10	8.8	8.5	10	10	9.6	5.5	8.5	9.0	8.0	8.0	7.8	7.8	5.0	9.0	7.7	6.0	6.0	9.0	9.0	9.0	7.8	8.5	8.3	8.5	8.3	7.0	7.0	Đ	CD	Đ	8.1							
6	Đỗ Huỳnh Ngọc Hân	7.8	5.8	7.8	2.8	7.0	5.9	6.0	7.8	7.2	4.0	9.0	7.3	8.5	10	10	9.6	6.5	8.8	5.0	7.0	5.3	7.8	6.7	6.0	7.5	7.0	2.0	2.0	10	5.3	6.9	6.8	6.5	5.0	6.3	6.2	6.0	6.0	6.0	CD	Đ	Đ	6.5						
7	Hoàng Phạm Khánh Hân	9.5	9.5	8.8	9.5	8.0	9.3	8.5	9.0	8.8	10	9.0	9.3	10	10	10	10	8.5	7.0	10	8.0	9.0	8.8	8.6	8.0	10	10	9.3	10	10	10	10	8.0	8.8	7.8	9.5	8.7	10	10	Đ	Đ	Đ	9.4							
8	Vũ Xuân Hoàng	9.8	9.5	9.0	7.5	8.0	8.5	7.0	9.5	8.7	10	10	10	10	10	10	10	6.0	9.5	8.0	7.8	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.3			10	9.8	9.9	9.0	9.0	9.8	9.5	9.4	10	10	Đ	Đ	Đ	9.2							
9	Phan Minh Hùng	7.8	7.0	9.0	6.8	9.3	8.0	6.0	6.0	6.0	10	5.0	6.7	10	10	8.0	9.0	2.5	5.0	8.5	6.5	7.0	6.3	6.2	5.0	9.5	8.0	7.0	7.0	7.0	6.3	6.5	6.0	7.0	5.8	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	CD	CD	Đ	7.2						
10	Trần Nhật Khang	9.3	9.3	8.8	9.5	7.8	8.9	5.3	9.8	8.3	10	9.5	9.7	8.5	10	9.0	9.1	7.0	7.0	8.5	7.0	7.5	7.8	7.5	6.0	8.5	7.7	10	10	7.0	8.3	7.9	7.3	7.8	6.8	7.8	7.5	8.0	8.0	8.0	CD	CD	Đ	8.5						
11	Lê Tự Tuấn Khanh	8.5	9.5	9.0	9.0	9.5	9.1	6.0	8.0	7.3	7.5	8.0	7.8	10	9.0	10	9.8	10	9.5	8.8	6.5	6.8	6.0	7.4	10	9.0	9.3	5.0	5.0	10	7.8	8.5	6.8	6.8	4.8	7.8	6.8	10	10	CD	CD	Đ	8.1							
12	Nguyễn Bảo Gia Linh	9.5	9.5	9.0	7.8	8.0	8.5	4.5	5.3	5.0	9.0	8.5	8.7	8.5	10	10	9.6	8.0	8.5	9.0	7.8	7.5	8.3	8.1	6.0	10	10	8.7	10	10	9.5	8.5	8.8	9.5	9.5	9.0	9.8	9.5	10	10	CD	Đ	Đ	8.7						
13	Nguyễn Ngọc Thiên Linh	8.8	10	9.8	9.5	10	9.7	8.5	9.8	9.4	10	9.0	9.3	10	10	10	10	9.0	10	10	7.8	8.5	8.3	8.7	10	10	10	10	10	10	10	9.3	9.5	9.0	7.5	8.0	9.8	8.8	9.0	9.0	9.0	CD	Đ	Đ	9.4					
14	Nguyễn Trọng Minh	10	8.8	9.3	9.0	10	9.4	10	9.0	9.3	9.5	7.5	8.2	9.5	10	10	9.9	7.0	9.8	9.0	7.0	7.5	9.0	8.1	7.0	9.5	8.7	10	10	7.5	8.3	8.0	10	9.8	9.0	9.8	9.7	10	10	Đ	Đ	Đ	9.1							
15	Trần Duy Minh	9.0	9.8	7.8	8.3	9.8	9.0	9.0	8.5	8.7	10	9.5	9.7	9.5	10	10	9.9	7.0	7.5	9.0	6.8	6.8	7.3	7.3	9.0	9.5	9.3	9.5	9.5	9.0	7.8	8.2	7.8	9.3	9.8	9.0	9.0	10	10	Đ	Đ	Đ	9.1							
16	Trần Gia Thảo My	9.8	9.5	9.0	8.8	9.3	9.2	8.0	8.8	8.5	8.0	8.5	8.3	10	10	10	10	10	8.0	8.0	7.0	7.0	8.8	8.0	8.0	10	9.3	9.5	9.5	9.5	5.5	6.8	8.0	7.5	8.8	9.0	8.5	10	10	Đ	Đ	Đ	8.8							
17	Nguyễn Thảo Nguyên	8.5	9.3	9.0	6.3	9.0	8.2	9.0	9.5	9.3	10	9.0	9.3	9.5	10	10	9.9	10	8.5	9.5	8.0	7.0	7.3	8.1	9.0	10	9.7	10	10	10	8.8	9.2	10	10	10	10	10	10	10	10	10	CD	CD	Đ	9.4					
18	Phạm Nguyễn Khôi Nguyên	8.5	7.3	5.0	7.3	7.0	7.1	6.5	9.0	8.2	7.0	10	9.0	9.0	10	10	9.8	2.0	9.5	10	7.0	6.3	8.0	7.1	7.0	10	9.0	7.5	7.5	8.5	9.0	8.8	8.3	8.5	8.0	8.8	8.5	6.0	6.0	Đ	Đ	Đ	8.1							
19	Nguyễn Chí Nhân	10	10	9.0	9.3	8.8	9.3	4.0	8.3	6.9	8.0	9.5	9.0	8.5	10	10	9.6	7.0	9.3	10	6.8	7.0	8.0	7.8	6.0	10	8.7	9.5	9.5	9.3	9.8	9.6	7.0	7.3	6.5	8.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	CD	Đ	Đ	8.7					
20	Lê Uyên Nhi	10	7.5	9.0	7.5	8.8	8.4	5.3	6.3	6.0	7.0	8.5	8.0	9.5	10	10	9.9	5.0	9.0	9.5	7.0	8.8	8.0	7.9	9.0	9.5	9.3	10	10	9.0	10	9.7	4.5	8.3	7.8	9.3	7.8	10	10	Đ	Đ	Đ	8.7							
21	Nguyễn Diên Phúc					###			###				###				###							###			###												###					###			###			###
22	Trần Phương	9.8	8.5	9.0	9.0	10	9.3	10	8.0	8.7	9.0	7.5	8.0	6.5	10	9.0	8.6	4.5	7.0	7.8	6.0	5.8	8.0	6.5	6.0	10	8.7	9.0	9.0	8.5	5.8	6.7	8.8	7.8	7.0	7.8	7.8	10	10	Đ	Đ	Đ	8.3							
23	Nguyễn Tất Hoàng Quân	9.5	9.5	9.0	9.8	9.3	9.5	10	9.3	9.5	8.5	7.5	7.8	4.0	10	10	8.5	6.0	5.8	7.0	6.0	6.3	8.0	6.6	5.0	10	8.3	9.0	9.0	7.0	6.0	6.3	8.0	8.3	8.5	8.8	8.5	10	10	CD	CD	Đ	8.4							
24	Võ Minh Quân	10	9.8	9.0	10	9.5	9.7	9.5	10	9.8	10	9.5	9.7	10	10	10	10	10	8.5	9.5	7.5	7.0	7.8	8.1	9.0	10	9.7	6.5	6.5	10	9.8	9.9	9.0	9.5	9.0	9.0	9.1	10	10	CD	Đ	Đ	9.3							
25	Nguyễn Đỗ Phương Quỳnh	10	9.5	9.0	9.0	9.3	9.3	5.5	8.5	7.5	8.0	10	9.3	10	10	10	10	10	8.8	9.8	8.0	8.8	6.5	8.4	9.0	10	9.7	10	10	9.5	6.8	7.7	8.5	10	8.5	9.5	9.2	10	10	Đ	Đ	Đ	9.1							
26	Trần Nguyễn Thảo Quyên	8.5	7.5	6.5	7.0	7.5	7.4	7.5	7.5	7.5	10	10	10	9.5	10	10	9.9	3.0	9.5	9.0	7.0	6.0	7.3	6.9	8.5	8.5	8.5	10	10	8.0	7.3	7.5	8.5	7.8	8.3	8.5	8.3	10	10	CD	Đ	Đ	8.6							
27	Nguyễn Đức Sang	9.3	7.5	9.0	6.5	8.5	8.0	8.8	9.5	9.3	10	7.5	8.3	7.0	10	8.0	8.3	8.0	6.3	7.5	6.8	6.5	7.8	7.1	5.0	6.0	5.7	10	10	8.5	9.8	9.4	8.0	8.0	7.3	9.3	8.4	10	10	Đ	Đ	Đ	8.5							
28	Võ Tấn Tài	7.3	7.0	7.0	6.5	7.3	7.0	5.0	8.0	7.0	3.0	4.5	4.0	4.0	10	10	8.5	2.5	1.3	3.5	5.0	3.5	3.5	3.5	0.0	8.0	5.3	3.0	3.0	6.5	8.0	7.5	5.8	6.3	3.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	CD	Đ	Đ	5.6						
29	Trần Văn Minh Thắng	9.0	4.0	7.0	7.5	6.5	6.9	5.3	6.8	6.3	4.5	9.0	7.5	5.0	9.0	10	8.5	4.5	1.5	6.0	5.5	5.0	6.3	5.1	8.0	9.5	9.0	7.0	7.0	8.0	9.5	9.0	6.0	5.8	5.5	6.0	5.9	10	10	CD	Đ	Đ	7.5							
30	Phan Thị Thanh Thảo	6.5	7.5	6.0	4.5	8.5	6.6	6.5	8.3	7.7	10	8.5	9.0	9.0	10	9.5	9.5	7.0	8.8	10	8.5	8.0	9.3	8.6	10	9.5	9.7	8.0	8.0	9.0	9.0	9.0	8.0	7.3	6.0	9.0	7.9	10	10	CD	Đ	Đ	8.6							
31	Phạm Trần Kim Thy	8.5	9.5	10	9.5	7.3	8.8	9.5	8.8	9.0	10	10	10	9.5	10	10	9.9	10	8.0	9.0	7.8	7.0	7.5	8.0	9.0	9.5	9.3	10	10	7.5	8.5	8.2	9.5	9.5	9.5	9.3	9.4	10	10	CD	Đ	Đ	9.3							
32	Bùi Đặng Phương Trân	9.0	8.5	8.5	9.8	9.8	9.3	10	5.3	6.9	9.0	9.5	9.3	8.0	10	10	9.5	8.5	6.0	6.5	8.0	7.3	7.8	7.5	5.0	9.5	8.0	8.5	8.5	9.5	8.5	8.8	9.8	9.5	10	9.8	9.8	10	10	Đ	Đ	Đ	8.8							
33	Bùi Tú Trinh	10	5.5	7.5	6.8	8.8	7.7	7.0	7.0	7.0	8.5	8.0	8.2	10	10	10	10	6.3	8.0	9.0	7.0	7.0	6.8	7.2	7.0	8.5	8.0	10	10	8.5	7.0	7.5	7.8	8.5	6.8	6.5	7.2	5.0	5.0	CD	Đ	Đ	7.8							
34	Trần Phạm Hoàng Trọng	9.8	8.5	9.0	9.5	8.3	9.0	9.5	9.5	9.5	8.0	9.0	8.7	10	10	10	10	10	8.0	9.0	5.5	7.0	7.8	7.5	9.0	10	9.7	10	10	8.5	10	9.5	9.0	10	6.5	9.5	8.9	10	10	CD	CD	Đ	9.3							
35	Dương Thái Trọng	7.3	2.5	6.5	7.0	5.3	5.8	5.5	6.0	5.8	6.0	7.0	6.7																																					